

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY - CIENCO1**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 3, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội



Biên cơ hội thành giá trị

Điện thoại: (84-4) 3818 1888 **Fax:** (84-4) 3818 1688

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238
Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 1368 **Fax:** (84-8) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3525 777 **Fax:** (84-511) 3525 779

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY - CIENCO1

Địa chỉ: Số 58 Phạm Minh Đức, Phường Máy Tơ, Quận Ngô
Quyền, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3760 464 **Fax:** (031) 3760 498

TỔ CHỨC CHÀO BÁN



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP

Địa chỉ : Số 623 La Thành, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3835 0930 **Fax:** (04) 3772 1232

Tháng 10 năm 2014

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	3
1.	Tổ chức phát hành.....	3
2.	Cổ phần chào bán.....	3
3.	Công bố thông tin và địa điểm tổ chức mua cổ phần.....	3
II.	CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN	3
III.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	3
1.	Rủi ro về kinh tế.....	4
2.	Rủi ro về luật pháp	6
3.	Rủi ro hoạt động kinh doanh.....	6
4.	Rủi ro khác	7
IV.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	7
1.	Chủ sở hữu vốn.....	7
2.	Doanh nghiệp bán đấu giá.....	7
3.	Tổ chức thực hiện bán đấu giá	7
V.	CÁC KHÁI NIỆM.....	8
VI.	THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	8
1.	Giới thiệu về Công ty.....	8
1.1.	Những thông tin chung về Công ty	9
1.2.	Ngành, nghề kinh doanh	9
2.	Quá trình hình thành và phát triển	11
3.	Cơ cấu tổ chức Công ty.....	113
4.	Cơ cấu cổ đông.....	15
5.	Hoạt động kinh doanh	16
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	22
7.	Vị thế của Công ty trong ngành.....	23

7.1 Vị thế công ty trong ngành	23
7.2 Một số thuận lợi khó khăn.....	23
8. Chính sách đối với lao động.....	25
8.1 Cơ cấu lao động.....	25
8.2 Chính sách đối với người lao động	26
9. Chính sách cổ tức	26
10. Tình hình tài chính	27
11. Tài sản	33
11.1 Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2013.....	33
11.2 Tình hình sử dụng đất đai.....	33
12. Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2014.....	34
13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	34
VII. THAY LỜI KẾT.....	35

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức phát hành

Tên Công ty	:	Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1
Tên viết tắt	:	Cienco1 – Viweco
Địa chỉ	:	Số 58 Phạm Minh Đức – P. Máy tơ – Q. Ngô Quyền TP Hải Phòng
Điện thoại	:	(031) 3760 464
Fax	:	(031) 3760 498

2. Cổ phần chào bán

Số lượng cổ phần chào bán	:	222.552 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
Loại cổ phần chào bán	:	Cổ phần phổ thông
Giá trị cổ phần theo mệnh giá	:	2.225.520.000 đồng
Phương thức chào bán	:	Chào bán đấu giá công khai có sự cạnh tranh về giá
Giá khởi điểm chào bán	:	10.200 đồng/cổ phần

3. Công bố thông tin và địa điểm tổ chức mua cổ phần

- Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá;
- Theo quy chế bán đấu giá cổ phần Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1 do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ban hành (Gọi tắt là Quy chế đấu giá).

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Căn cứ Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Căn cứ Quyết định số 0665/QĐ-HĐQT-TCT ngày 15/10/2014 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP về việc thoái vốn tại Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1;
- Căn cứ Hợp đồng số 21/2014/HĐTVTC/SHS/HS.TV ngày 19/09/2014 giữa Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội và Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP về dịch vụ tổ chức bán đấu giá cổ phần Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1;
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan.

III. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

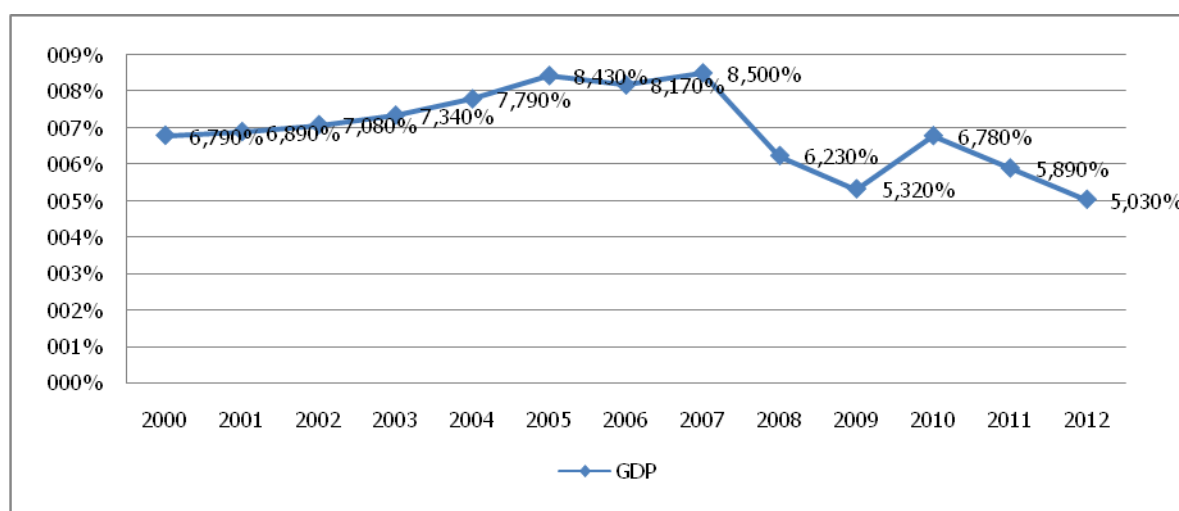
1. Rủi ro về kinh tế

❖ *Tăng trưởng kinh tế:*

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam có xu hướng tăng dần trong những năm 2000 – 2007 với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 7,8%. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,18% và con số này trong năm 2009, 2010 và 2011 sau nhiều nỗ lực phục hồi nền kinh tế của Chính phủ cũng tương ứng chỉ là 5,32%, 6,78% và 5,89%.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

Năm 2012, tình hình kinh tế trong nước tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn. Tăng trưởng kinh tế năm 2012 tiếp tục chậm lại (chỉ đạt 5,03%, thấp hơn chỉ tiêu năm 2011; mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao, tuy vậy lạm phát đã được kiềm chế xuống còn một chữ số).

Năm 2013, kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, GDP năm 2013 tăng hơn 5,42%, cải thiện tích cực so với mức tăng 5,25% của năm 2012. Theo dự báo trong năm 2014, tăng trưởng GDP sẽ ở mức 5,8%. Nhìn chung tốc độ tăng trưởng GDP vẫn còn chậm so với mục tiêu đề ra.

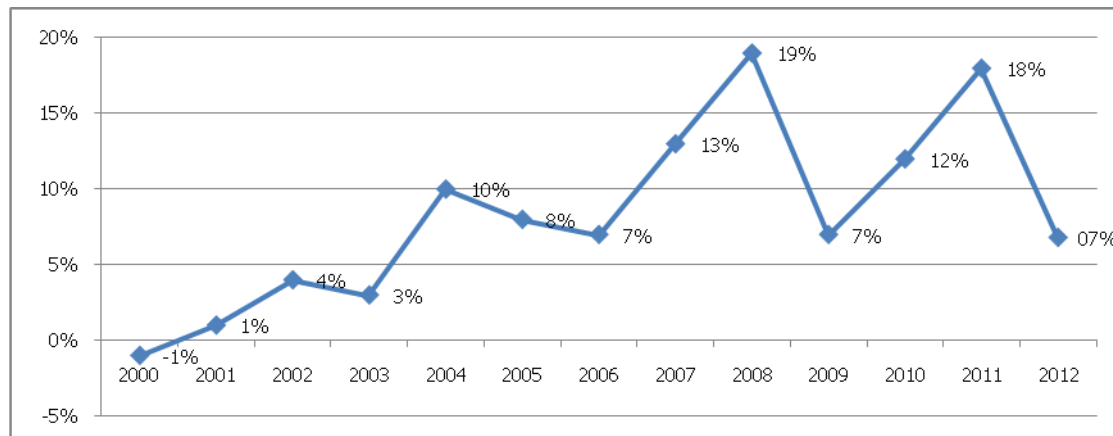
Những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù nền kinh tế đang dần thoát ra khỏi giai đoạn suy thoái, nhưng để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên.

❖ **Lạm phát:**

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí sản xuất kinh doanh khác. Tại Việt Nam, tỷ lệ lạm phát đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 19,87%. Năm 2009, nhờ các nỗ lực kiểm soát lạm phát của Chính phủ và Nhà nước, tỷ lệ lạm phát giảm xuống còn 6,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2010 tăng tới 11,8%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2010, lạm phát của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của một số quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 đã tăng tới 18,13% so với tháng 12 năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 7% đặt ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhiều mặt hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao gần đây. Năm 2012, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, Việt Nam đã đạt được kết quả khả quan với tỷ lệ lạm phát của cả năm 2012 dừng lại tại mức 6,8%.

Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2013 tăng 6,04% so với cùng kỳ năm trước, song vẫn thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm ngoái. Trong năm 2013,

cung cầu hàng hóa trong nước cơ bản ổn định, giá một số hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, xi măng,ở mức ổn định. Theo dự báo trong năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng ở mức 7%, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

2. **Rủi ro về luật pháp**

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. **Rủi ro hoạt động kinh doanh**

❖ ***Rủi ro hoạt động***

Đặc thù hoạt động của Công ty là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng chủ đầu tư lập dự toán còn thiếu tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

Để khắc phục rủi ro này Công ty thực hiện biện pháp tập trung đẩy nhanh tiến độ công trình, tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn, thi công đến đâu nghiệm thu ngay đến đó.

❖ ***Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào***

Với đặc thù của một đơn vị thi công xây lắp, chi phí nguyên vật liệu của Công ty chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng chi phí, bên cạnh đó công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ máy móc thiết bị cơ giới, để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nguyên nhiên vật liệu hiện nay Công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả các loại vật liệu xây dựng như xi măng, sắt thép, giá xăng dầu,... đều có xu hướng ngày càng tăng do đó tác động không nhỏ đến tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty. Xác định được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này, Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo sự ổn định cho nguồn nguyên nhiên vật liệu như việc ký kết các hợp đồng có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động, ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và tạo dựng mối quan hệ làm ăn uy tín, bền vững với các nhà cung cấp,... nhằm hạn chế tối đa rủi ro này.

❖ ***Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:***

Thị trường xây dựng phụ thuộc nhiều vào kế hoạch đầu tư, khối lượng và tiến độ thi công các công trình, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá thi công, doanh số và lợi nhuận, mặt khác lại đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao thành phẩm.

❖ **Rủi ro về mặt kỹ thuật:**

Lĩnh vực xây dựng đòi hỏi phải có hệ thống thiết bị kỹ thuật và máy móc thi công phù hợp và đảm bảo. Với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật thì sự lỗi thời là khó tránh khỏi, đòi hỏi Công ty phải có chế độ khấu hao và kế hoạch mua sắm máy móc trang thiết bị hợp lý nhằm giảm thiểu giá thành nhưng vẫn đảm bảo hệ thống kỹ thuật phục vụ thi công xây dựng.

❖ **Rủi ro về lãi suất và khả năng thanh toán:**

Rủi ro này xuất phát từ đặc thù của ngành xây dựng đó là các dự án thi công thường có thời hạn tương đối dài trong khi vốn đầu tư lớn, nguồn vốn ứ đọng tại các công trình nhiều, các khoản phải thu khách hàng chưa thu hồi được ngay, do đó Công ty phải huy động vốn từ nhiều nguồn, nợ phải trả thường xuyên chiếm tỷ trọng cao. Đối với các khoản nợ vay, Công ty phải trả chi phí sử dụng vốn nên sẽ không thể tránh khỏi rủi ro về lãi suất và rủi ro về khả năng thanh toán khi không thu hồi kịp thời các khoản nợ từ khách hàng. Để khắc phục những tồn tại trên, Công ty buộc phải thực hiện các biện pháp như kiểm soát chặt chẽ các khoản công nợ phải thu và thực hiện việc tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng nguồn vốn dài hạn trong tổng nguồn vốn của Công ty.

4. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh,.. Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Chủ sở hữu vốn

Ông: Cán Hồng Lai

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

2. Doanh nghiệp bán đấu giá

Ông: Tạ Tuấn Anh

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Đại diện theo pháp luật:

Ông Vũ Đức Tiến

Chức vụ:

Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ thoái vốn của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP tại Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1 do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tư vấn soạn thảo trên cơ sở Hợp đồng đã ký kết với Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1 cung cấp.

V. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- ♦ Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1 về những nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phần;
- ♦ Tổng công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP;
- ♦ Cienco1: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP;
- ♦ Công ty: Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1;
- ♦ SHS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
- ♦ Cổ đông: Tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy – Cienco1
- ♦ Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
- ♦ Cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1;
- ♦ Cổ tức: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận của Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1 sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính;
- ♦ Điều lệ: Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1;
- ♦ Năm tài chính: Tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm;
- ♦ Vốn điều lệ: Số vốn do cổ đông góp được ghi trong Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như Quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

VI. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Giới thiệu về Công ty

1.1. Những thông tin chung về Công ty

- Tên doanh nghiệp: **Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1**
- Tên tiếng anh: Vietnam Water Engineering Construction and Investment Joint – Stock Company – Cienco1
- Tên viết tắt: Cienco 1 – Viweco
- Địa chỉ: Số 58 Phạm Minh Đức – Q.Ngô Quyền – Tp.Hải Phòng
- Điện thoại: (031) 3760 464
- Fax: (031) 3760 498
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0200166683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 04 năm 2014
- Sản phẩm dịch vụ chủ yếu: Xây dựng chuyên dụng công trình thủy; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Đóng tàu và cầu kiện nổi; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý gia công kim loại; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị; Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ; Vận tải đường bộ khác, vận tải đường thủy; Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Hoạt động kinh doanh bất động sản; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm.
- Vốn thực góp (tính đến thời điểm 31/05/2014): 15.250.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng*)

1.2 Ngành, nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200166683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18 tháng 04 năm 2014, Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng công trình thủy - Cienco1 kinh doanh các ngành nghề sau:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông.
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: xây dựng công trình viễn thông; xây dựng công trình thủy lợi; thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Đóng tàu và cầu kiện nổi.
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn
- Sửa chữa máy móc, thiết bị và quang học.
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Sửa chữa thiết bị điện
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán mô tô, xe máy.
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô và xe máy.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết vận tải hành khách bằng taxi.
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa, khai thuế hải quan; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ đóng gói liên quan đến vận tải, dịch vụ môi giới thuê tàu biển; dịch vụ logistics; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar)
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. (không bao gồm tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động).
- Cung ứng lao động tạm thời. (không bao gồm cung ứng lao động tạm thời cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công trình thủy – Cienco1 (tiền thân là Công ty xây dựng công trình thủy) thành lập ngày 01 tháng 05 năm 1959. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang hình thức công ty cổ phần theo quyết định số 436/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2006 của Bộ giao thông vận tải.

Trải qua 55 năm phát triển và trưởng thành, Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công trình thủy – Cienco1 đã hoàn thành nhiều công trình trọng điểm cấp Nhà nước đạt chất lượng cao, đảm bảo tiến độ và đem lại hiệu quả kinh tế cho quốc gia.

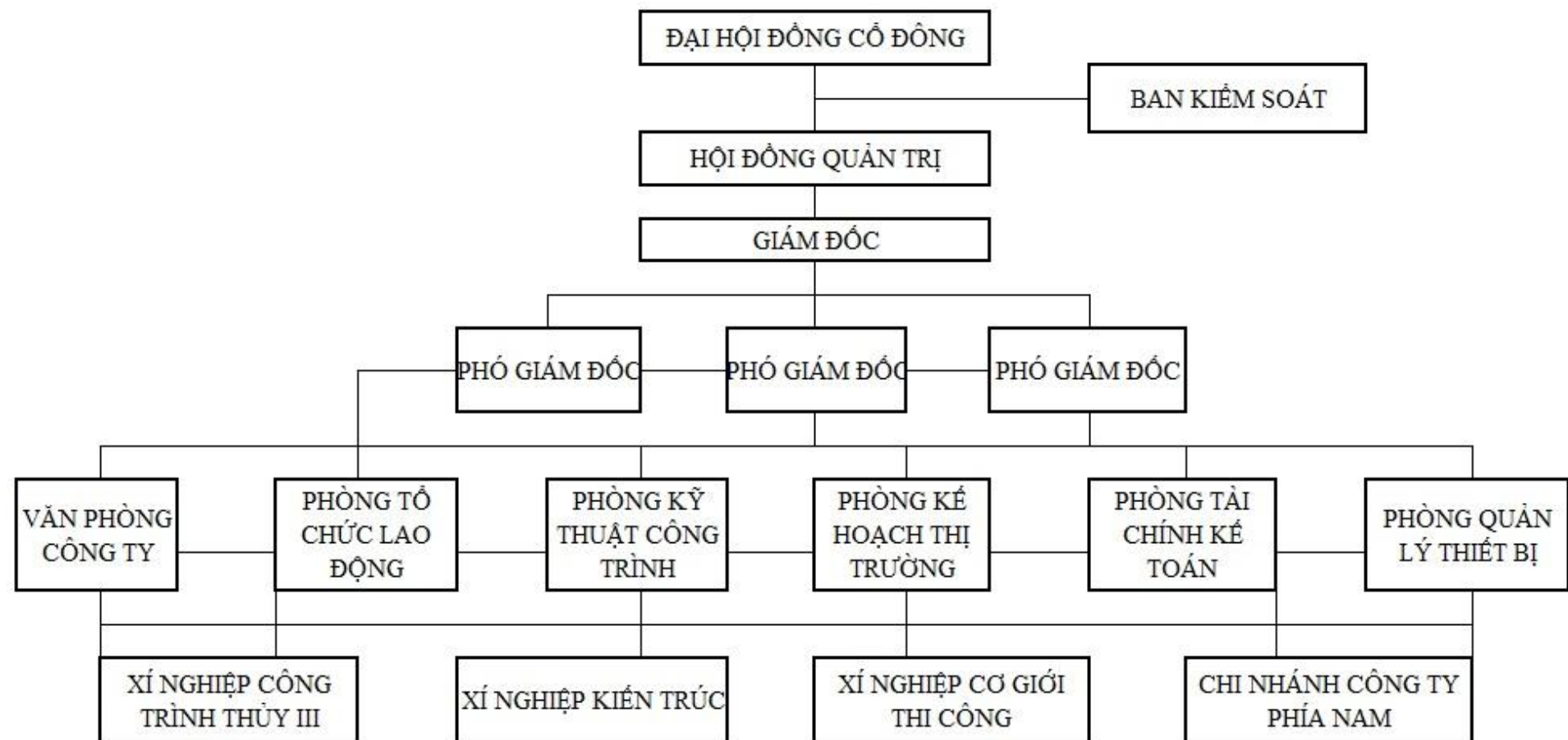
Công ty đã được Nhà nước trọng thưởng:

- Huân chương kháng chiến hạng nhất
- Hai huân chương lao động hạng nhất (1978 – 1994)
- Huân chương lao động hạng nhì
- Nhiều huân chương lao động hạng 3 cho tập thể và cá nhân
- Năm 1995 được Thủ tướng chính phủ tặng cờ thưởng đơn vị xuất sắc nhất ngành Giao thông vận tải Việt Nam và được tặng cờ đơn vị đạt chất lượng cao của ngành Xây dựng Việt Nam.
- Nhiều công trình lớn đã được Bộ xây dựng và Công đoàn xây dựng Việt Nam tặng huy chương vàng chất lượng cao.

- Năm 2001 Công ty được trao chứng nhận và biểu tượng Ngôi sao vàng quốc tế về chất lượng của Hiệp hội hướng nghiệp kinh doanh (BID) tại Geneva – Thụy Sĩ.

Công ty cũng được chứng nhận theo hệ thống tiêu chuẩn chất lượng. Trong nhiều năm qua Công ty đã giành được sự tín nhiệm của các chủ đầu tư và khách hàng trong và ngoài nước.

3. Cơ cấu tổ chức Công ty



❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị (HDQT)**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HDQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Số lượng thành viên HDQT là 05 người.

❖ **Ban Giám đốc**

Giám đốc: Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty; chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; xây dựng phương án, chiến lược hoạt động và triển khai thực hiện các chiến lược đó sau khi đã được HDQT phê chuẩn; trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: kinh doanh, tài chính, kế hoạch, vật tư, tổ chức nhân sự.

Phó giám đốc: Phụ trách các lĩnh vực về kỹ thuật, kế hoạch thị trường, vật tư thiết bị, tài chính kế toán... và thay mặt Giám đốc điều hành Công ty khi Giám đốc đi vắng.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu chọn để tra mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành công ty, hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế của Ban kiểm soát. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

❖ **Các phòng ban**- *Văn phòng Công ty:*

Quản lý hoạt động hành chính, văn thư lưu trữ tài liệu, tiếp nhận công văn đi – đến, quản lý và sử dụng con dấu, thực hiện công tác lễ tân, vệ sinh, điện nước, thông tin liên lạc; Trang bị văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng; các sinh hoạt tập thể của Công ty (hội, họp, hiếu, hỷ, lễ Tết...; Công tác an ninh trật tự, PCCN, lụt bão,...; Thực hiện các nghĩa vụ (quân sự và các chính sách xã hội...) tại địa phương; Quản lý và điều động phương tiện phục vụ yêu cầu công tác theo quy định.

Hành chính quản trị: Y tế sức khỏe cho công nhân viên, công tác văn thư lưu trữ, quản trị hành chính đồ dùng văn phòng, quản lý thực hiện các chế độ chính sách của Đảng, của Nhà nước và của địa phương.

- *Phòng Tổ chức - Lao động:*

+ Tổ chức nhân sự: Tổ chức tuyển dụng, thực chế độ chính sách với người lao động, quản lý nhân sự, hồ sơ cán bộ công nhân viên, BHXH, BHYT.

- *Phòng Kế toán - Tài chính:*

- + Kế toán: Có nhiệm vụ thu thập xử lý thông tin số liệu kế toán theo đúng đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán đã quy định. Kế toán trong Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng công trình thủy - Cienco1 gồm: Kế toán vật tư, kế toán TSCĐ, kế toán thu chi, kế toán ngân hàng, kế toán công nợ, kế toán xây dựng cơ bản và công trình, kế toán giá thành, kế toán tổng hợp.
- + Tài chính: Quản lý, giám sát các hoạt động tài chính của Công ty.

- *Phòng Kỹ thuật công trình:*

Quản lý, giám sát kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng công trình; Lập, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công... và thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

- *Phòng kế hoạch thị trường*

- + Có nhiệm vụ lập kế hoạch SXKD ngắn hạn, dài hạn, kế hoạch của Công ty. Đồng thời, tham gia tìm kiếm việc làm và lập dự toán đấu thầu các công trình, dự án; Soát xét các hồ sơ nghiệm thu khối lượng và hoàn công công trình; Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao

- *Phòng quản lý thiết bị:*

Có nhiệm vụ quản lý các máy móc, thiết bị của Công ty (kỹ thuật vận hành, ca máy, vật tư, nhiên liệu, duy tu, bảo dưỡng, bảo hiểm...), công tác thẩm định chất lượng máy móc thiết bị, kế hoạch sửa chữa, thanh lý tài sản.

- *Các đơn vị trực thuộc Công ty:*

Chi nhánh Công ty Phía Nam:

Địa chỉ: D7 Khu Phố 2 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q. 7 thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 8726 443

Xí nghiệp công trình thủy III

Địa chỉ: Đường Ngô Quyền, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Điện thoại: 031 376 5268

Xí nghiệp Kiến trúc

Địa chỉ: Số 3 Lương Văn Can, P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: 031 628 4783

Xí nghiệp Cơ giới thi công

Địa chỉ: Ngõ 201 đường Ngô Quyền, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: 031 376 5055

4. Cơ cấu cổ đông

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 6 ngày 18/04/2014 là 15.250.000.000 đồng được chia thành 1.525.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

4.1 Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 31/05/2014

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	88	1.204.575	12.045.750.000	100
1	Cổ đông tổ chức	1	222.552	2.225.520.000	14,59%
2	Cổ đông cá nhân	77	1.302.448	13.024.480.000	85,41%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
	Tổng cộng	78	1.525.000	15.250.000.000	100,00%

Nguồn: Cienco1 - Viweco

4.2 Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 31/05/2014

TT	Cổ đông	Số cổ phần (CP)	Giá trị (triệu VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Dương T. Minh Phương	373.634	3.736,340	24,50%
2	Tạ Tuấn Anh	268.999	2.689,990	17,64%
3	Cienco1	222.552	2.225,520	14,59%
4	Phạm Văn Tuấn	114.533	1.145,330	7,51%
5	Nguyễn Thị Kim Lan	84.570	845,700	5,55%
6	Vũ Văn Thành	77.743	777,430	5,10%
	Tổng cộng	1.142.031	11.420	74,89%

Nguồn: Cienco1 - Viweco

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập.

Danh sách cổ đông theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200166683 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01/03/2007:

TT	Tên Cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị CP (VNĐ)	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước:	Cổ phần phổ thông	222.552	2.225.520.000	24,19%
2	Cổ đông là người Lao động trong Doanh nghiệp (Đại diện)	Cổ phần phổ thông	697.448	6.974.480.000	75,81%

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản phẩm của Công ty

Sản phẩm chính của Công ty là các cầu cảng sông, biển. Các dịch vụ mà Công ty đang khai thác là cho thuê kho bãi. Trong đó, xây dựng cầu cảng sông, biển là thế mạnh chính của Công ty.

Cơ cấu sản lượng qua các năm:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Quý 1/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá trị xây lắp	57.124	96	57.123	95,3	5.358	92
Sửa chữa CN	2.403	4	2.764	4,7	474	8
Cộng	59.527	100	59.887	100	5.832	100

Nguồn: Cienco1 - Viweco

Cơ cấu doanh thu qua các năm:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Quý 1/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá trị Xây lắp	66.980	97,4	57.511	95	1.137	90
Dịch vụ & thu nhập khác	1.778	2,6	3.183	5	132	10
Cộng	68.758	100	60.694	100	1.269	100

Nguồn: Cienco1 - Viweco

Cơ cấu giá vốn của Công ty:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Quý 1/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT (%)
Giá trị xây lắp	57,994	98	50.372	95	1.023	89
Dịch vụ & thu nhập khác	1.053	2	2.718	5	125	11
Cộng	59.047	100	53.090	100	1.148	100

Nguồn: Cienco1- Viweco

5.2 Nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu:
 - + Sắt thép, xi măng, cát đá, dầu mỡ....
 - + Nguyên vật liệu là bán thành phẩm: Cọc ống, Bê tông thương phẩm...
- Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Hiện tại, nguồn cung cấp nguyên vật liệu của Công ty nhìn chung ổn định, chất lượng tốt, các nhà cung cấp nguyên vật liệu đã hợp tác với công ty trong nhiều năm, sẵn sàng đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Từ năm 2012 trở lại đây, giá cả của nguyên vật liệu tương đối ổn định.
- Danh mục nhà cung cấp nguyên vật liệu:

STT	Tên nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu cung cấp
1	Công ty TNHH thương mại Dỵ Thành	Cát đá
2	Công ty TNHH thương mại Song Thìn	Sắt thép
3	Công ty CP Him Lam Hải Phòng	Xi măng, sắt thép
4	Công ty TNHH bê tông và XD Minh Đức	Cọc ống DUL
5	Công ty CP Bạch Đằng 5	Cọc ống DUL
6	Cty TNHH vận tải Tiến Mạnh	Bê tông thương phẩm

Nguồn: Cienco1- Viweco

5.3 Chi phí sản xuất qua các năm

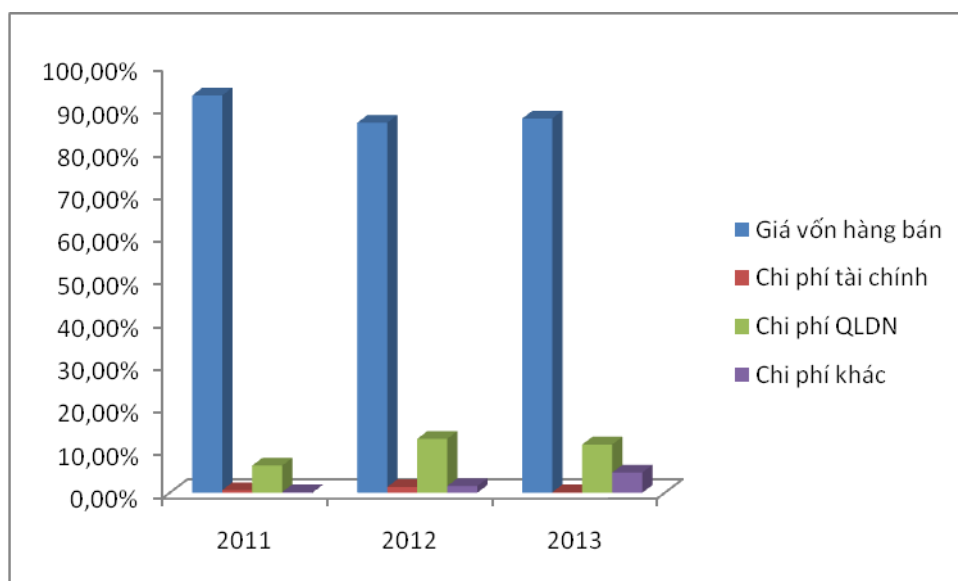
Đơn vị: Đồng

Yếu tố	Năm 2011	Tỷ trọng/D TT (%)	Năm 2012	Tỷ trọng/D TT (%)	Năm 2013	Tỷ trọng/D TT (%)
Giá vốn hàng bán	120.982.538.531	93,0%	57.994.605.138	86,6%	50.372.325.199	87,6%
Chi phí tài chính	809.035.170	0,6%	898.547.011	1,3%	62.218.579	0,1%
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí QLDN	8.278.685.846	6,4%	8.453.616.614	12,6%	6.500.812.919	11,3%
Chi phí khác	208.442.980	0,2%	1.053.207.938	1,6%	2.718.637.772	4,7%
Cộng chi phí	130.278.702.527	100,1%	68.399.976.701	102,1%	59.653.994.469	103,7%
Doanh thu thuần	130.096.164.714	100,0%	66.980.112.800	100,0%	57.511.164.855	100

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013

Biểu đồ 3: Cơ cấu chi phí qua các năm

*Tỷ trọng chi phí
giá vốn hàng bán
chiếm tỷ trọng cao*



Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty là chi phí giá vốn hàng bán (bình quân 89,6% qua các năm). Năm 2011-2013, Công ty chịu tác động từ sự suy thoái nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, trong hoàn cảnh khó khăn mặc dù Công ty đã nỗ lực tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng sự biến động tăng giá nguyên vật liệu đầu vào đã dẫn đến tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần luôn ở mức cao, dẫn tới tỷ trọng lợi nhuận gộp của Công ty ở mức rất thấp.

Theo ý kiến ngoại trừ của Công ty TNHH kiểm toán Mỹ (AA), năm 2013, Công ty Cienco1 – Viweco ghi nhận giá vốn hàng bán của các công trình theo tập hợp chi phí từ các đội báo về, giá vốn phân bổ vào trong năm tài chính Công ty đang phân bổ theo tỷ lệ ước tính mà chưa xây dựng tỷ lệ phân bổ đối với công trình kéo dài.

Chi phí quản lý doanh nghiệp (QLDN) là chi phí lớn thứ hai sau giá vốn. Năm 2013 Công ty đã nỗ lực tiết giảm chi phí so với 2012.

5.4 Trình độ công nghệ

Danh mục một số máy móc, thiết bị thi công của Công ty như sau:

STT	Tên thiết bị, tài sản	Nước sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng
I	PHAO ĐÓNG CỌC			5
1	Phao đóng cọc P17 - GB54M	Việt Nam	2006	1
2	Phao đóng cọc P12 - GB40M	Việt Nam	2006	1
3	Phao đóng cọc T3 - GB40M	Việt Nam	37	

				1
4	Phao đóng cọc P8 - GB30M	Việt Nam	2003	1
5	Phao đóng cọc P10 - GB27M	Việt Nam	1977	1
II	TÀU SÔNG			2
1	Tàu kéo TK – 01	Việt Nam	1988	1
2	Tàu đẩy kéo ĐK – 26	Việt Nam	1977	1
III	SÀ LAN VẬN CHUYỂN CỌC			4
1	Sà lan 250 tấn: SL-17	Việt Nam	1976	1
2	Sà lan 250 tấn: SL- 03	Việt Nam	1989	1
3	Sà lan 250 tấn: NH-18	Việt Nam	1990	1
4	Sà lan 200 tấn: SL- 05	Việt Nam	1989	1
IV	CẦN CẦU			4
1	Cần cầu bánh xích D508	Nhật	2002	1
2	Cần cầu bánh xích DEK 251- 03	Liên xô	1982	1
3	Cần cầu tại chỗ DEK 251 - 01	Liên xô	1982	1
4	Cần cầu bánh lốp KC 5363B	Liên xô	2001	1
V	ÔTÔ VẬN CHUYỂN BÊ TÔNG			2
1	Xe 16H-3370- 6m3	Hàn quốc	2001	1
2	Xe 16H-3371- 6m3	Hàn quốc	2001	1
VI	ÔTÔ PHỤC VỤ THI CÔNG			1
1	Xe 7 chỗ 29L-1824	Việt Nam	2002	1
VII	MÁY BƠM BÊTÔNG			1
1	Loại 85m3/ h	Việt Nam	2002	1
VIII	TRẠM TRỘN BÊTÔNG			2
1	Loại 30 m3 / h	Việt Nam	2002	1
2	Loại 45 m3 / h	Việt Nam	2002	1
IX	MÁY XÚC			3
1	Máy xúc bánh xích Hitachi gầu 0,6 m3	Nhật	2001	1
2	Máy xúc bánh lốp Huyndai gầu 0,6 m3	Hàn quốc	1999	1
3	Máy xúc bánh lốp Sorla gầu 0,6 m3	Hàn quốc	1997	1
X	BÚA MÁY THUỶ LỰC			1
1	Búa HH – 11	Anh quốc	2002	1
XI	BÚA MÁY DIEZEN			7
1	Búa D3.5	Trung quốc	1992	1
2	Búa MH3.5	Nhật	1992	1
3	Búa D5.0A	Trung quốc	1994	1
4	Búa MH - 7.2	Nhật	2014	1
5	Búa MH - 7.5	Nhật	2006	1

6	Búa MB - 7.5	Nhật	2012	1
7	Búa D100 – 13	Trung quốc	2003	1
XII	BÚA RUNG ĐIỆN			3
1	Búa 402B	Liên xô	1989	1
2	Búa DZ- 45	Trung quốc	2004	1
3	Búa D60	Nhật	2003	1
XIII	MÁY PHÁT ĐIỆN CÁC LOẠI ĐẶT TRÊN PHAO			8

Nguồn: Cienco1- Viweco

5.5 Một số hợp đồng lớn đã và đang thực hiện:

STT	Tên hợp đồng	Trị giá (1000Đ)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ	Đối tác ký hợp đồng
1	Hợp đồng số 03/HĐKT-NHDP: Ngày 28/5/2012 Gói thầu XLC1 Phân đoạn 3 - Phân đoạn 4 - Phân đoạn 5.	50.335.114	5/2012 - 5/2013	Phân đoạn 3 - Phân đoạn 4 - Phân đoạn 5. cầu tàu 20.000DWT	Công ty cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ.
2	Hợp đồng số 01TC/HĐXD: Ngày 22/2/2013 Đóng cọc công trình - Bến tạm nhà máy nhiệt điện Thái BìnhII	617.200	2/2013- 3/2013	Đóng cọc công trình	Công ty CP Đầu tư xây dựng Đường thủy
3	Hợp đồng số 67/HĐXD: Ngày 13/3/2013 Đóng cọc công trình - Dự án CV - Alg – NTDTP	1.820.000	3/2013- 5/2013	Đóng cọc công trình	Công ty CP Đầu tư Chân Thành
4	Hợp đồng số 20/2014/HĐ/PTSCDV/TC: Ngày 18/2/2014 Gói thầu XL2 : Thi công cầu tàu 20,000T, kê sau cầu, kê thượng lưu, hạ tầng. Dự án mở rộng cầu cảng PTSC Đình Vũ	65.219.220	2/2014 - /2014	Thi công cầu tàu 20,000T, kê sau cầu, kê thượng lưu, hạ tầng	Công ty CP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ (PTSC Đình Vũ)
5	HỢP ĐỒNG SỐ 138/HĐKT-HDQĐ: Ngày 18/4/2014 Cầu tàu 20,000T DA Đầu Tư Xây Dựng và kinh doanh cảng tiếp nhận tàu 20.000DWT	245.015.083	4/2014- 2/2016	Cầu tàu 20,000T	Công ty CP Hóa Dầu Quân Đội
6	Hợp đồng số 238/2013/HĐXD: Ngày 8/8/2013. Thi công đóng cọc thử, cọc đại trà cầu chính, cầu dẫn - Dự án XD doanh trại, cầu cảng Đoàn 273(QK3) – GD1	14.320.967	8/2013- 1/2014	Đóng cọc BTCT UST D500; D600; D700	Chi nhánh công ty TNHHMTV Duyên Hải – XN359
7	Hợp đồng số 429/2013/HĐXD: Ngày 4/12/2013 Đóng cọc công trình Cảng xuất xi măng 1A, 1B - công ty xi măng Phúc Sơn	1.316.000	12/2013 - 2/2014	Đóng cọc BTCT UST D500; D600; D700	Công ty TNHH cọc ống Kiến Hoa - Đất Việt

8	Hợp đồng số 201/2013/HĐXD: Ngày 22/7/2014 THI công đóng cọc BTCT UST D500; D600; D700. DA Đầu tư xây dựng Cảng Long An	8.429.671	7/2013 - theo tiến độ dự án	Đóng cọc BTCT UST D500; D600; D700	Công ty CP Đầu tư xây dựng Tân cảng số 1
9	Hợp đồng số 1975A/2014/HĐNT: Ngày 26/5/2014 Thi công hạng mục đóng cọc gỗ công trình trung tâm đo xử lý tiêu từ Tàu biển tại Cam Ranh- Khánh Hòa.	27.939.962	5/2014 – theo tiến độ dự án	Đóng cọc công trình	Bộ Tư lệnh Hải Quân
10	Hợp đồng số 297/2013/kH -KT: Ngày 15/11/2013 Thi công đóng cọc thử + đóng cọc đại trà loại cọc ống BT DUL D500, D600, D700 cầu cảng GĐ1	5.742.770	11/2013- 6/2014	Đóng cọc công trình	Công ty CP Đầu tư xây dựng Tân cảng số 1
11	Hợp đồng số 216/2013/HĐXD: Ngày 18/6/2013 Thi công đóng cọc đại trà hạng mục mố cầu và sàn thao tác – DA Đầu tư xây dựng cảng Nam Ninh – Hải Phòng	521.000	7/2013 - 10/2013	Đóng cọc công trình	Chi nhánh công ty TNHHMTV Duyên Hải – XN359
12	Hợp đồng số 13-7/2013/HĐXD: Ngày 13/7/2013 Thi công đóng cọc đại trà loại hạng mục mố cầu và sàn thao tác – DA Đầu tư xây dựng cảng Nam Ninh – Hải Phòng	798.030	7/2013 - 11/2013	Đóng cọc công trình	Công ty CP Xây Dựng Minh Anh

Nguồn: Cienco1 - Viweco

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần đây

Đơn vị: VNĐ

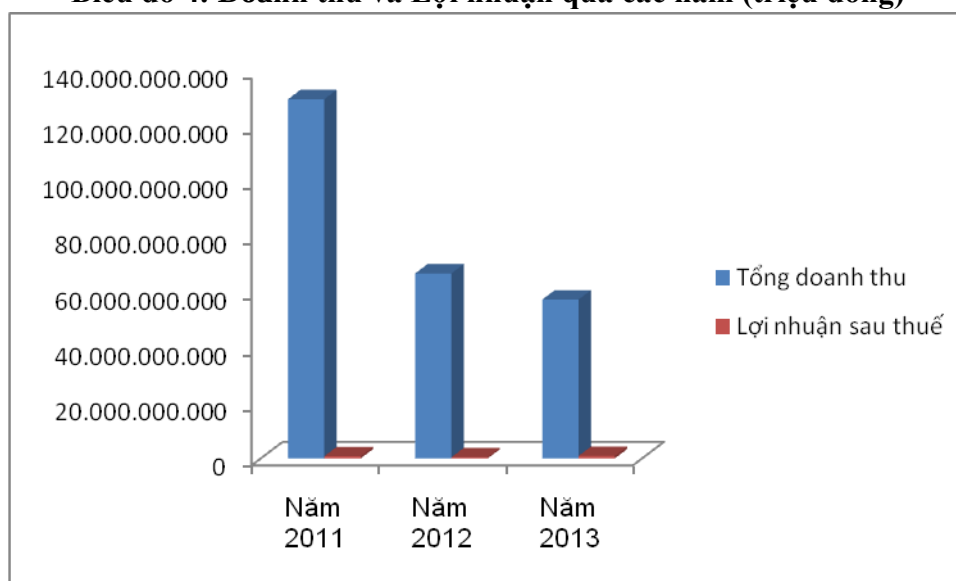
Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng tài sản	129.986.318.214	99.741.285.832	98.900.202.166
Vốn điều lệ	9.200.000.000	9.200.000.000	9.200.000.000
Nguồn vốn chủ sở hữu	11.628.582.509	11.275.958.484	11.767.697.460
Tổng doanh thu	130.096.164.714	66.980.112.800	57.511.164.855
Lợi nhuận sau thuế	782.423.246	415.579.308	867.568.248
EPS (đồng/cổ phần)	850	452	943
ROE (%)	6,73%	3,69%	7,37%
ROA (%)	0,60%	0,42%	0,88%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011, 2012 và 2013

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Biểu đồ 4: Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm (triệu đồng)

*Doanh thu của
Công ty tăng qua
các năm*



Chịu ảnh hưởng chung của nền kinh tế Việt Nam và thế giới, hoạt động giao thương đường thủy do đó cũng bị giảm sút mạnh mẽ những năm 2010 – 2013. Bởi vậy, các hợp đồng về xây dựng, thi công về cầu cảng của Công ty cũng giảm mạnh mẽ, đặc biệt năm 2012. Giai đoạn 2011 – 2013, doanh thu của Công ty giảm rõ rệt, từ 130 tỷ năm 2011 xuống 66,9 tỷ năm 2012 (giảm 48%) và còn 57,5 tỷ năm 2013. Tuy nhiên, nhờ áp dụng các biện pháp thắt chặt chi phí và giảm chi phí lãi vay nên mặc dù doanh thu giảm nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn tăng trưởng cao từ năm 2012 – 2013, tăng 108% từ 415 triệu đồng lên 867 triệu đồng.

7. Vị thế của Công ty trong ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Trải qua hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, phát triển, Công ty luôn đứng trong TOP dẫn đầu các doanh nghiệp thi công công trình thủy. Cienco1 - Viweco đã hoàn thành nhiều công trình trọng điểm cấp nhà nước đạt chất lượng cao, đảm bảo tiến độ và đem lại hiệu quả kinh tế cho nền kinh tế quốc dân. Công ty đã và đang thi công một số công trình lớn cho các Cảng Dung Quất, Cảng Hải Phòng, Cảng Cam Ranh, Cảng Vũng Tàu...và khắp lãnh thổ Việt Nam. Một số dự án tiêu biểu như: gói thầu XLC1 phân đoạn 3,4,5 cho Cầu Tàu 20.000DWT của Cảng Nam Hải Đình Vũ; thi công cầu tàu 20.000T kê sau cầu, kê thượng lưu, hạ tầng cho dự án mở rộng cầu cảng PTSC Đình Vũ; dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng tiếp nhận tàu 20.000DWT; đóng cọc công trình trung tâm đo xử lý tiêu từ tàu biển tại Cam Ranh – Khánh Hòa.

Dự kiến thời gian tới, Công ty sẽ phát triển thêm khu vực Miền Nam. Hiện tại, Công ty đã thành lập chi nhánh Phía Nam tại TP. HCM. Về lâu dài, Công ty mong muốn hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài, tham gia đầu tư tại Việt Nam, góp phần xây dựng thêm nhiều công trình lớn, trọng điểm của quốc gia.

Một số đối thủ cạnh tranh trên thị trường: Công ty Phú Xuân, Tổng đường thủy, Công ty Minh Phóng, Tân Cảng và một số doanh nghiệp tư nhân khác...

7.2 Một số thuận lợi và khó khăn

- Thuận lợi:

- + Tính đến nay, Công ty đã có hơn 50 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành. Với các công trình mà Công ty đã tham gia, thương hiệu của Công ty ngày càng được khẳng định, được các đối tác và chủ đầu tư tin tưởng tin nhiệm.
- + Được sự hỗ trợ của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP trong quá trình khai thác hợp đồng và thi công các công trình đường thủy;
- + Qua nhiều năm phát triển, Công ty đã xây dựng được thương hiệu và vị thế khá vững chắc trên thị trường, được các đối tác trong và ngoài nước tin nhiệm, chất lượng các công trình mà Công ty thi công đều được đánh giá cao.
- + Công ty có truyền thống đoàn kết nhất trí, có đội ngũ cán bộ, CNKT lành nghề, năng động, tâm huyết với công việc, đó là yếu tố thuận lợi để công ty có đủ năng lực và trí tuệ điều hành SXKD, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của công ty.

Khó khăn:

- + Quy mô vốn của Công ty còn nhỏ, chưa đáp ứng được nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Một số thiết bị của Công ty đã cũ nên hiệu quả sản xuất không cao. Công ty phải thường xuyên phải đầu tư sửa chữa và nâng cấp một số phương tiện thiết bị đã cũ nhằm đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- + Công ty còn vay nợ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh tại Hải Phòng do tồn đọng nợ cũ và còn nhiều khoản phải trả khác. Mặt khác, Công ty không có tài sản bảo lãnh, thế chấp nên Công ty luôn trong tình trạng khó khăn về vốn phục vụ sản xuất kinh doanh .
- + Ảnh hưởng của tình trạng khó khăn kinh tế chung, nhiều dự án bị tạm dừng, giãn tiến độ, cùng với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các Nhà thầu...đã trực tiếp ảnh hưởng tới sản lượng kinh doanh và doanh thu của Công ty.

7.3 Triển vọng phát triển của ngành

Kinh tế biển Việt Nam những năm qua đã đổi mới và tăng trưởng đáng kể về quy mô và thay đổi rõ rệt về ngành nghề, đóng góp cho tăng trưởng GDP của quốc gia, biến đổi nhanh chóng diện mạo đất nước. Tuy nhiên, nếu so sánh với một số nước có biển trong khu vực thì kinh tế biển Việt Nam phát triển còn chậm. Do đó, trong thời gian tới để phát triển kinh tế biển theo kịp các quốc gia trên thế giới, tại Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã có quan điểm chỉ đạo về định hướng chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Mục tiêu phát triển kinh tế biển đến năm 2020 là kinh tế biển và vùng ven biển đóng góp khoảng 53 - 55% tổng GDP của cả nước, trong đó ngành hàng hải có vị trí hàng đầu.

Phát triển kinh tế vận tải biển: tập trung đầu tư phát triển nhanh, hiệu quả đội tàu biển Việt Nam theo hướng trẻ hóa, hiện đại hóa và chuyên dụng hóa, đặc biệt là tàu dầu, tàu hàng rời, tàu container, tàu khách để đến năm 2015 tổng trọng tải đạt trên 7 triệu DWT và năm 2020 trên 11 triệu DWT; Đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách trong nước,

với mục tiêu đến năm 2015 đạt trên 35% và năm 2020 đạt trên 45% tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển trong nước; Tham gia hiệu quả thị trường vận tải biển trong khu vực và thế giới theo hướng tăng mạnh sản lượng vận tải quốc tế, tăng thị phần nhằm đảm bảo hợp lý lợi ích kinh tế vận tải ngoại thương để đến năm 2015 đạt trên 25% và 2020 đạt trên 35% tổng sản lượng vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Việt Nam

Phát triển kinh tế khai thác cảng biển: Đẩy mạnh phát triển kinh tế khai thác cảng biển đầu mối tại những vùng kinh tế trọng điểm: Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ; các cảng, bến cảng, cầu cảng chuyên dụng tại những khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, trên đảo và cảng trung chuyển quốc tế. Bảo đảm năng lực hàng hóa thông qua đạt trên 400 triệu tấn vào năm 2015 và trên 700 triệu tấn vào năm 2020. Riêng nhóm cảng khu vực phía Bắc lượng, hàng qua cảng dự kiến đến năm 2015 khoảng 150 triệu tấn/năm và đến năm 2020 khoảng 220 triệu tấn/năm; Phát triển nhanh, đồng bộ, đủ năng lực cạnh tranh đối với các loại hình dịch vụ hỗ trợ khai thác cảng biển với mục tiêu đến năm 2020, doanh thu chiếm trên 60% tổng doanh thu của hoạt động kinh doanh khai thác cảng biển của cả nước.

Đó là những tiềm năng và cơ hội to lớn của Ngành để Công ty xây dựng định hướng và hoạch định các chính sách phát triển sản xuất những năm tiếp theo.

7.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành

Những giải pháp và chiến lược Công ty đưa ra tại đại hội cổ đông năm 2013 cho thấy Công ty đang nỗ lực cố gắng phát triển dựa trên nguồn lực hiện có, những định hướng này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành. Tuy nhiên nếu được đầu tư chiều sâu về công nghệ đồng thời đủ lượng vốn lưu động cần thiết phục vụ cho kinh doanh kết hợp với việc thực hiện các giải pháp đồng bộ sẽ giúp Công ty hoàn thành các kế hoạch trước mắt và dần nâng Công ty lên một tầm cao mới.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Cơ cấu lao động

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến thời điểm 31/05/2014 là 121 người với cơ cấu lao động như sau:

Cán bộ	31/05/2014	
	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ lao động	121	100
1. Trình độ trên đại học	-	
2. Trình độ đại học	41	33.90%
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	8	6.60%
4. Công nhân kỹ thuật	72	59.50%
5. Sơ cấp	-	
6. Lao động khác	-	
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	121	100

Cán bộ	31/05/2014	
	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	21	17.35%
2. Lao động không xác định thời hạn	99	81.80%
3. Lao động trong thời gian thử việc	1	0.85%

Nguồn: Cienco1 - Viweco

8.2 Chính sách đối với người lao động

Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ những quy định về an toàn và bảo hộ lao động. Với mục tiêu tránh không để xảy ra tai nạn lao động, Công ty nghiêm túc kiểm tra việc chấp hành, tuân thủ các quy tắc an toàn lao động. Hàng năm, người lao động trong Công ty được hướng dẫn kỹ lưỡng về an toàn lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, và được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Xác định nhân lực là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của Công ty, Công ty đã đề ra kế hoạch phù hợp để xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực đủ về lượng và mạnh về chất. Công ty chú trọng bồi dưỡng, phát triển và thu hút đội ngũ trí thức, các chuyên gia có trình độ cao. Với đặc thù công việc đòi hỏi chất xám cao, Công ty luôn khuyến khích đội ngũ CBNV trau dồi kiến thức, không ngừng học hỏi, sáng tạo. Bên cạnh đó, Công ty dành những ưu đãi thích hợp và sử dụng những hình thức đãi ngộ khác để thu hút nhân tài về cho Công ty.

Công ty có quy chế đào tạo và nâng bậc lương cụ thể cho CBNV. Với chủ trương đào tạo và nâng bậc là công tác thường xuyên của đơn vị nhằm bồi dưỡng, đổi mới đội ngũ cán bộ công nhân theo hướng phát triển của đơn vị, nâng cao năng lực, nâng cao đời sống người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng, kỹ thuật hợp lý, khuyến khích các cá nhân đưa ra sáng kiến tiết kiệm chi phí, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật... Đồng thời Công ty cũng nghiêm khắc kỷ luật những cá nhân vi phạm các quy định của Công ty, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, và theo quy định của Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị xây dựng và đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc:

- ♦ Cổ tức sẽ được thông báo và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.
- ♦ Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của Pháp luật và ngay khi trả hết các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời phải đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2013, với mức chia cổ tức dự kiến 552 triệu đồng, tương đương 6% vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2013.

10. Tình hình tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

- Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác có liên quan trực tiếp mà Công ty đã bỏ ra đến thời điểm đưa tài sản cố định vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận, hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Đối với tài sản cố định khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng; thời gian khấu hao được tính theo khung thời gian quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013, thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	03 – 15
Thiết bị văn phòng	03 – 05
Phương tiện vận tải	06 – 08
Tài sản khác	05 - 10

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013 của Công ty

10.1.2 Tình hình công nợ hiện nay

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2013
Các khoản phải thu	53.713.324.163	38.239.139.426	29.983.764.411
Phải thu của khách hàng ⁽¹⁾	39.749.453.255	28.349.250.264	17.798.570.894
Trả trước cho người bán	2.153.466.900	1.759.781.583	5.813.180.830
Phải thu nội bộ ngắn hạn	3.397.195.456	2.285.254.274	2.503.707.338
Các khoản phải thu khác	10.509.159.936	8.689.242.698	6.703.859.855
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-2.095.951.384	-2.844.389.393	-2.835.554.506
Các khoản phải trả	118.357.735.705	88.465.327.348	87.132.504.706
Nợ ngắn hạn	118.150.384.795	88.465.327.348	87.132.504.706
Vay và nợ ngắn hạn	19.577.096.722	19.509.823.995	19.009.823.995
Phải trả cho người bán ⁽²⁾	20.706.129.435	11.644.652.232	12.413.877.361
Người mua trả tiền trước ⁽³⁾	6.978.895.509	3.505.407.465	681.183.861
Các khoản thuế phải nộp	10.991.245.403	11.901.486.630	7.073.350.251
Phải trả công nhân viên	4.682.196.340	3.568.841.915	2.935.431.171
Chi phí phải trả ⁽⁴⁾	1.741.416.983	2.617.548.700	1.153.160.195
Phải trả nội bộ	27.586.219.230	25.746.634.485	25.813.400.085
Phải trả khác ⁽⁵⁾	25.730.690.343	9.772.013.850	17.947.280.403

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	156.494.830	198.918.076	104.997.384
Nợ dài hạn	207.350.910	0	0
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	207.350.910		

Nguồn: BCTC 2011, 2012, 2013 đã kiểm toán

(1) Chi tiết khoản phải thu khách hàng đến 31/12/2013:

Stt	Phải thu khách hàng	31/12/2013 (VNĐ)
1	Công trình Cầu nhô liền bờ - Xí nghiệp I	601.186.975
2	Công ty CP Đầu tư hạ tầng kinh doanh đô thị	5.370.792.113
3	Công ty CP xây dựng Tân cảng số 01 – CT Vân Phong	801.379.824
4	Công ty CP Cảng Nam Hải Đình Vũ	6.750.286.000
5	Các đối tượng khác	4.274.925.982
	Tổng cộng	17.798.570.894

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 Cienco1 - Viweco

(2) Chi tiết khoản phải trả người bán đến 31/12/2013:

Stt	Phải trả người bán	31/12/2013 (VNĐ)
1	Công ty TNHH Dững Hải	624.220.000
2	Công ty TNHH Vận tải Tiến Mạnh	507.650.144
3	Công ty CP Đầu tư và phát triển Công nghiệp	468.619.966
4	Công ty CP Bạch Đằng 5HP-CT189	200.000.000
5	Công ty CP Him Lam Hải Phòng	833.529.479
6	Công ty CP Xăng dầu Bạch Đằng	805.533.200
7	Công ty TNHH Dỵ Thành	1.109.607.348
8	Công ty TNHH Thành Long	1.236.293.552
9	Công ty CP Hùng Sơn	212.364.172
10	Công ty TNHH Phước Long	393.994.200
11	Phải thu đối tượng khác	6.022.065.300
	Tổng cộng	12.413.877.361

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 Cienco1 - Viweco

⁽³⁾ Chi tiết người mua trả tiền trước đến 31/12/2013:

Stt	Người mua trả tiền trước	31/12/2013 (VNĐ)
1	Công ty TNHH Cọc ống Kiến Hoa – Đất Việt	263.000.000
2	Đối tượng khác	418.183.861
	Tổng cộng	618.183.861

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 Cienco1 - Viweco

⁽⁴⁾ Chi tiết chi phí phải trả đến 31/12/2013:

Stt	Phải trả người bán	31/12/2013 (VNĐ)
1	Trích trước chi phí cọc từ Công ty 121	141.320.073
2	Trích trước chi phí công trình Hiệp Phước	481.750.909
3	Trích trước chi phí nạo vét cầu 6	149.999.997
4	Trích trước chi phí công trình khác	380.089.216
	Tổng cộng	1.153.160.195

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013 Cienco1 - Viweco

10.1.3 Mức lương bình quân

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011 (VNĐ)	Năm 2012 (VNĐ)	Năm 2013 (VNĐ)
1	Tổng quỹ lương	11.443.719.751	8.982.819.403	8.571.038.196
2	Các khoản thưởng (người/năm)	510.550.000	465.950.000	386.800.000
3	Tổng thu nhập (người/năm)	11.954.269.751	9.448.769.403	8.957.838.196
4	Tiền lương bình quân (người/tháng)	3.200.000	2.700.000	2.700.000
5	Thu nhập bình quân (người/năm)	38.400.000	32.400.000	32.400.000

Nguồn: Cienco1 - Viweco

10.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013
Thuế giá trị gia tăng	10.850.419.142	6.214.683.467
Thuế thu nhập doanh nghiệp	189.161.761	288.451.961
Thuế thu nhập cá nhân	27.179.727	4.990.823
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	834.726.000	565.224.000
Tổng cộng	11.901.486.630	7.073.350.251

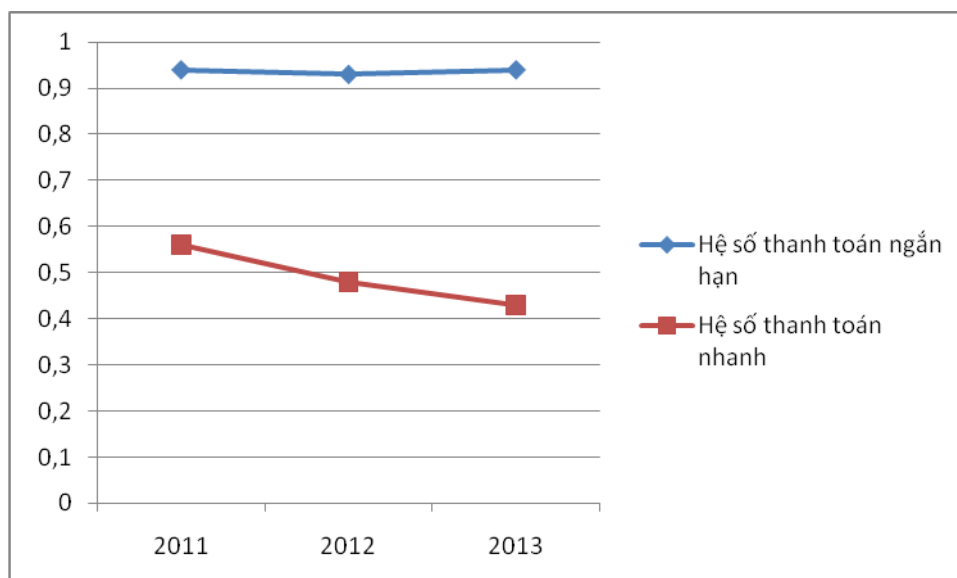
Nguồn: BCTC 2012 & 2013 đã kiểm toán

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,94	0,93	0,94
Hệ số thanh toán nhanh	0,56	0,48	0,43
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ/Tổng tài sản	91,05%	88,69%	88,10%
Vay/Tổng tài sản	9,46%	12,26%	12,36%
Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	10,1	7,84	7,41
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay các khoản phải thu	2,42	1,45	1,68
Vòng quay các khoản phải trả	1,09	0,64	0,65
Vòng quay hàng tồn kho	2,64	1,35	1,19
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,00	0,58	0,58
Chỉ tiêu về tăng trưởng và cơ cấu chi phí			
Tăng trưởng doanh thu thuần		-46,51%	-14,13%
Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần	107%	86%	87%
Tỷ lệ Doanh thu tài chính/Doanh thu thuần	0,05%	0,21%	0,19%
Tỷ lệ chi phí tài chính/Doanh thu thuần	0,62%	1,34%	0,10%
Tỷ lệ chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,00%	0,00%	0,00%
Tỷ lệ doanh thu khác/Doanh thu thuần	0,88%	2,65%	5,53%
Tỷ lệ chi phí khác/Doanh thu thuần	0,15%	1,57%	4,72%
Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	6,36%	12,6%	11,3%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,60%	0,62%	1,51%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	6,73%	3,69%	7,37%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,60%	0,42%	0,88%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,07%	-0,32%	1,20%

Biểu đồ 5: Khả năng thanh toán giai đoạn 2011-2013

Công ty gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn

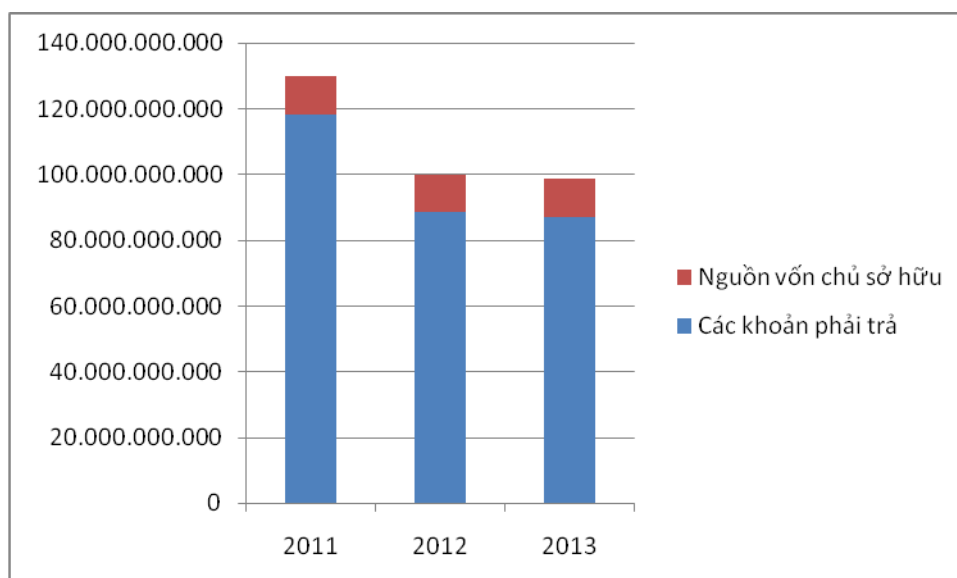


Khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty duy trì ổn định trong các năm 2011 – 2013, tuy nhiên, các chỉ số này của Công ty đều ở dưới mức 1, cho thấy Công ty đang gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Tài sản lưu động của Công ty không đủ khả năng tài trợ cho các khoản nợ ngắn hạn.

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh có sự chênh lệch khá lớn do giá trị hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn (khoảng 50%) của Công ty. Giá trị hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình mà Công ty tham gia thi công.

Biểu đồ 6: Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2011-2013

Nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản



Các công ty trong ngành xây dựng thường có xu hướng sử dụng tỷ trọng nợ trong cơ cấu vốn tương đối cao, điều này đồng nghĩa với việc tỷ lệ sử

dụng nợ càng lớn thì gánh nặng chi phí tài chính sẽ gia tăng tương ứng. Về phía Công ty, có thể thấy, tỷ trọng nợ/tổng tài sản của Công ty khá cao (trung bình 88%/năm). Năm 2013, trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, vay và nợ ngắn hạn chiếm 21,82% (19 tỷ đồng), phải trả nội bộ chiếm 29,63% (25 tỷ đồng), các khoản phải trả khác chiếm 20,60% và phải trả người bán chiếm 14,25% với 12 tỷ đồng.

10.3 Một số thông tin lưu ý về BCTC 2013 đã kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình thủy – Cienco1 có ý kiến về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty như sau:

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

- Tại ngày 31/12/2013, Công ty chưa đối chiếu một số khoản công nợ phải thu và phải trả, tỷ lệ chưa đối chiếu cụ thể như sau: Phải thu khách hàng là 59%; Người mua trả tiền trước là 100%; Phải trả người bán 73%; Phải thu khác 96,6%; Phải trả phải nộp khác 100%; Vay ngắn hạn 100%. Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung và thay thế, chúng tôi không có đủ cơ sở đưa ra ý kiến của các khoản mục công nợ này, cũng như những ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác được trình bày trên BCTC của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Tại ngày 31/12/2013, do hạn chế trong việc tổ chức công tác kiểm kê của Công ty, nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Bằng các hồ sơ và tài liệu hiện có của Công ty, Chúng tôi cũng không thể thực hiện các thủ tục bổ sung và thay thế tại thời điểm kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản mục trên.
- Trong năm tài chính 2013, một số công trình Công ty ghi nhận doanh thu theo tiền thực nhận từ chủ đầu tư mà không căn cứ vào các biên bản nghiệm thu, quyết toán khối lượng đã thực hiện. Với cách ghi nhận như vậy, Công ty đã ghi nhận thừa doanh thu của một số công trình: Công trình cải tạo cảng Chùa Vẽ và Bến 7 Đình Vũ.
- Trong năm tài chính 2013, Công ty đang hạch toán vật tư công cụ, dụng cụ phục vụ công trình Ụ tàu Sài Gòn trên chi phí trả trước dài hạn với giá trị là 3,71 tỷ đồng. Khoản chi phí này phát sinh đã lâu nhưng chưa thực hiện phân bổ vào chi phí và treo dở dang đối với công trình chưa được quyết toán.
- Cũng trong năm tài chính 2013, Công ty ghi nhận giá vốn hàng bán của các công trình theo tập hợp chi phí từ các đội báo về, giá vốn phân bổ vào trong năm tài chính Công ty đang phân bổ theo tỷ lệ ước tính mà chưa xây dựng tỷ lệ phân bổ đối với các công trình kéo dài.
- *Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ:*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty CP Đầu tư và xây dựng Công trình Thủy – Cienco1 tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình

hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý

Tại thời điểm 31/12/2013, chỉ tiêu "Nợ ngắn hạn" vượt quá "Tài sản ngắn hạn" 1,056 lần, tương ứng với số tiền vượt quá là 4,60 tỷ đồng. Thông tin này có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

Trong năm tài chính 2013, Công ty đang theo dõi các đối tượng của tài khoản 331 dư có (phải trả cho người bán) và tài khoản 131 dư có (Người mua trả tiền trước) trên tài khoản 338 (Phải trả, phải nộp khác) với số tiền lần lượt 2,98 tỷ đồng và 5,94 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty đang theo dõi các đối tượng trên tài khoản 331 dư nợ (Trả trước cho người bán) trên tài khoản 138 (phải thu khác) số tiền 1,26 tỷ đồng. Việc theo dõi này sẽ ảnh hưởng tới việc trình bày các chỉ tiêu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán"

11. Tài sản

11.1 Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2013

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.373.102.142	477.565.614	14,16%
2	Máy móc, thiết bị	51.945.822.185	3.303.584.182	6,35%
3	Phương tiện vận tải	4.215.329.917	0	0,00%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	71.630.000	0	0,00%
	Cộng	59.605.890.244	3.781.149.796	6,34%

Nguồn: BCTC năm 2013 đã kiểm toán

11.2 Tình hình sử dụng đất đai

STT	Lô đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên bãi	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Khu đất tại số 225 (số cũ 40) Đường Ngô Quyền	5.990 m ²	Xí nghiệp	Khu XN Công trình Thủy III	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: E2130755 ngày 03/02/1999 của UBND TP Hải Phòng (vào sổ cấp giấy CN QSDĐ số	Thời hạn thuê 25 năm. Từ năm 1999 đến 2024

					00310/QSDD/ Q2	
2	Số 58 Phạm Minh Đức – Ngô Quyền – Tp. Hải Phòng	2.012,4 m2	Văn phòng	Trụ sở Công ty và XN cơ giới thi công	Công ty thuê nhà của Công ty Kinh doanh Nhà theo HĐ số 268/HĐTN ngày 12/12/2007, trả tiền thuê hàng tháng	Thuê lâu dài
3	Số 3 Đường Lương Văn Can, Ngô Quyền, HP	381 m2	Xí nghiệp	Trụ sở XN Kiến trúc	Công ty thuê nhà của Công ty KD Nhà theo HĐ số 269/HĐTN ngày 12/12/2007, trả tiền thuê hàng tháng	
4	D7, Đường Bùi Văn Ba, Q7, HCM			Văn phòng CN Phía Nam	Thuê nhà	Trả tiền hàng tháng

Nguồn: Cienco1 - Viweco

12. Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2014

đơn vị : triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2014	KH năm 2015	KH năm 2016
1	Tổng giá trị doanh thu	60.000	63.000	66.150
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.050	1.134	1.191
3	Lợi nhuận sau thuế	819	885	953
4	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	5% VDL	5% VLD	5% VLD

Nguồn: Cienco1 - Viweco

13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát Doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty qua các năm 2011, 2012, 2013; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như sự tăng trưởng nhu cầu về các sản phẩm của Công ty giai đoạn 2014 - 2016, với việc áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển kinh doanh, trong trường hợp

nền kinh tế vĩ mô không có biến động lớn theo hướng tiêu cực thì SHS đánh giá kế hoạch doanh thu của Công ty được xây dựng trong năm 2014 là hợp lý.

Ý kiến đánh giá trên đây được SHS đưa ra trên cơ sở nghiên cứu và lý thuyết về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phần của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP tại Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình thủy - Cienco1, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình thủy - Cienco1 cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua cổ phần.

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP
TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÁN HỒNG LAI

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP BÁN ĐẤU GIÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THỦY – CIENCO1
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

TẠ TUẤN ANH

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH ĐIỀU HÀNH**

VŨ ĐỨC TIẾN